**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHƯƠNG MỸ**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HS-ST
Ngày 21 - 6 - 2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP. HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi** và bà **Nguyễn Thị Liên**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Nguyễn Thị Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa**: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/TLST - HS ngày 29/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HS ngày 07/6/2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Quý C** (tức Nguyễn Văn C), sinh năm 1983; Quê quán: xã H, huyện C, Thành phố Hà Nội; ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện C, Thành phố Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn L, con bà: Tưởng Thị Đ; Vợ: Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1991 và 02 con; Danh chỉ bản số 266 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 29/3/2018; Tiền án, tiền sự: không.

* Về nhân thân:

- Ngày 18/07/2008, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP. Hà Nội xử phạt 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 18/7/2008).

- Ngày 17/08/2015 , bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/3/2016, án phí hình sự sơ thẩm ngày 27/8/2015).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày **27/3/2018 đến ngày 05/4/2018** được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Người bị hại**:

1. Anh Lưu Thành L, sinh năm 1965. Trú tại: Thôn Đ, xã ĐS, huyện C, Hà Nội. Nghề nghiệp: kinh doanh cửa hàng sửa chữa cơ khí. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984. Trú tại: Số nhà 96, tổ 5, khu CT, thị trấn X, huyện C, Hà Nội. Vắng mặt.

*** Người làm chứng**:

- Anh Nguyễn Bá Q, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn Đ, xã ĐPY, huyện C, Hà Nội. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Trú tại: Số nhà 96, tổ 5, khu CT, thị trấn X, huyện C, Hà Nội. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm 1996. Trú tại: Tổ 5, khu CT, thị trấn X, huyện C, Hà Nội. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/3/2018, Nguyễn Quý C điều khiển xe mô tô BKS 29E1-418.05 từ nhà đi, với mục đích xem có nhà ai sở hở sẽ trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khoảng 10 giờ cùng ngày, C đi đến khu vực phố G, xã ĐS, huyện C, Hà Nội, C thấy tại cửa hàng sửa chữa động cơ điện của anh Lưu Thành L, có anh L và anh Nguyễn Bá Q đang sửa chữa động cơ điện; C liền dựng xe trước cửa hàng, giả vờ hỏi anh L mua mô tơ điện máy xay xát và giá bán. C vừa hỏi vừa quan sát các vị trí phía trong cửa hàng, phát hiện có 01 chiếc điện thoại di động J5 để trên kệ tivi. Lợi dụng lúc anh L và anh Q không để ý, C lén lút lấy trộm chiếc điện thoại di động trên của anh L cho vào túi quần rồi nhanh chóng rời khỏi cửa hàng đi về hướng thị trấn X.

Khi đi đến khu CT, thị trấn X, huyện C, Hà Nội, C phát hiện phía bên phải hướng đi có cửa hàng bán bánh sinh nhật biển hiệu "Đức Tuệ" của anh Nguyễn Văn N mở cửa, nhưng bên trong không có người. C đi đến cửa hàng, dựng xe máy trước cửa, vào gọi thì anh N từ trong bếp đi ra. C giả vờ hỏi giá để mua 01 chiếc bánh gato hình ô tô, có in ảnh của C; anh N nói giá từ 350.000đồng đến 400.000đồng/chiếc và gọi vợ là chị Nguyễn Thị T ra bán hàng, còn anh N vào trong bếp làm bánh. C gặp chị T, đặt mua 01 chiếc bánh gatô loại nhỏ hình ô tô, không in ảnh giá 200.000 đồng. Chị T bảo C ngồi uống nước chờ, rồi chị T đi vào trong bếp làm bánh. Khi chị T, anh N đang làm bánh ở dưới bếp, C đi vào trong nhà phát hiện thấy có 01 chiếc

máy tính Ipad đang sạc điện để trên kệ ti vi, C rút sạc ra lấy trộm chiếc máy tính Ipad của anh N giấu vào bụng, buông áo xuống rồi đi nhanh ra cửa. Lúc này, anh N đang làm bánh ở dưới bếp, quan sát lên phía trên nhà, qua khe cửa nhìn thấy C đã lấy trộm máy Ipad, nên đã chạy ra phía trước cửa hàng, lúc này C chuẩn bị nổ xe máy để tẩu thoát, anh N chạy theo C giữ lại, đồng thời hô hoán thì có anh Nguyễn Minh Th (là hàng xóm) đang ở trong nhà nghe thấy đã chạy ra cùng anh N bắt giữ được C và điện báo Công an thị trấn X đến lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang.

**Vật chứng thu giữ:** 01 xe mô tô BKS 29E1-428.05, nhãn hiệu DREAM; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung J5, màu đồng; 01 chiếc máy tính bảng IPAD, nhãn hiệu Sam Sung, màu trắng;

**Tại bản kết luận định giá tài sản số 31 ngày 30/3/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ, kết luận:**

Chiếc máy tính bảng Ipad, nhãn hiệu Samsung, loại 16 GB, màu trắng đã qua sử dụng, số Imel: 359899/06/534888/2 trị giá là 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J5, màu đồng đã qua sử dụng, số Imel: 357202078829414/01 trị giá là 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng. **Tổng trị giá hai tài sản trên là 3.200.000 (**Ba triệu, hai trăm nghìn) đồng.

*** Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự**:

Ngày 06/4/2018, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại máy tính bảng Ipad, nhãn hiệu Samsung, màu trắng cho anh Nguyễn Văn N và điện thoại nhãn hiệu Sam Sung J5, màu đồng cho anh Lưu Thành L. Sau khi nhận lại tài sản anh N và anh L không có ý kiến đề nghị gì.

Đối với chiếc xe máy BKS 29E1-428.05, đăng ký mang tên Trần Đình M sinh năm 1964, trú tại 428, tổ 18, phường L, quận Đ, Hà Nội, anh Mạnh đã bán chiếc xe máy trên cho một người không rõ tên tuổi và địa chỉ vào năm 2012. Tra cứu chiếc xe máy trên, không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Ông Nguyễn Văn L (bố đẻ C) đang là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy trên; khi đưa xe máy cho C mượn, ông L không biết C sử dụng xe máy làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả ông Nguyễn Văn L.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu hồng (đã cũ) là của chị Hoàng Thị Đ1 (vợ C). Sáng ngày 27/03/2018, C cầm điện thoại trên của chị Đ1, chị Đ1 không biết C cầm đi đâu. Cơ quan điều tra xác định chị Đ1 là chủ sở hữu hợp pháp chiếc điện thoại trên nên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho chị Đ1.

Tại Bản Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Nguyễn Quý C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Tại phiên tòa**:

- Bị cáo Nguyễn Quý C khai nhận toàn bộ diễn biến thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại – anh Lưu Thành L trình bày diễn biến sự việc bị cáo C đến cửa hàng của anh vào thời gian, địa điểm và anh bị mất chiếc điện thoại Sam Sung J5 như bị cáo C đã trình bày và nội dung Cáo trạng đã nêu. Về trách nhiệm hình sự: anh L đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Anh L xác nhận đã nhận lại chiếc điện thoại Sam Sung J5, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

- Người làm chứng – anh Nguyễn Bá Q khai bày diễn biến sự việc bị cáo C đến cửa hàng của anh Lưu Thành L vào thời gian, địa điểm và anh bị mất chiếc điện thoại Sam Sung J5 như bị cáo C đã trình bày và nội dung Cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo C. Đề nghị tuyên bố bị cáo C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo C đã 02 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, tuy đã được xóa án tích, nhưng là người có nhân thân xấu, phạt C từ 09 đến 12 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có thu nhập ổn định. Về trách nhiệm dân sự: không đề nghị giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị can; về các biện pháp điều tra như lấy lời khai người bị tạm giữ, bị can, lấy lời khai người bị hại, người làm chứng, xác định hiện trường vụ án, thu giữ vật chứng, quyết định xử lý vật

chứng, trưng cầu định giá tài sản, tra cứu nguồn gốc phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, xác minh lý lịch, nhân thân của bị can; về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho bị can, người bị hại.... Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên; không khiếu nại về việc bị Điều tra viên, Kiểm sát viên mớm cung, ép cung, bức cung, nhục hình. Các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên là chứng cứ của vụ án.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của chị Nguyễn Thị T (vợ anh Nguyễn Văn N): Xét thấy tài sản bị chiếm đoạt là chiếc máy tính bảng Ipad, anh N đã nhận lại; anh N và chị T đều không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên xác định chị T là người làm chứng trong vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt của người bị hại – anh Nguyễn Văn N; của người làm chứng – anh Nguyễn Minh Th, chị Nguyễn Thị T: Xét thấy những người này đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, trong hồ sơ có đầy đủ lời khai của những những người này, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N, anh Q, anh Th, chị T.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Quý C tại phiên tòa, thấy phù hợp với lời khai của những người bị hại, của người làm chứng, vật chứng thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do có ý định đi trộm cắp tài sản, trong khoảng thời gian từ 09 giờ 30 phút đến 11 giờ ngày 27/3/2018, Nguyễn Quý C điều khiển xe môtô BKS 29E1-428.05 đi dọc Quốc lộ 6A thuộc địa phận huyện C, thấy ai sơ hở trong việc quản lý tài sản sẽ thực hiện việc trộm cắp và C đã thực hiện như sau: Lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung J5 trị giá 700.000 đồng của anh Lưu Thành L tại cửa hàng của anh L ở thôn Đ, xã ĐS, huyện C, Hà Nội; sau đó tiếp tục lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy tính bảng IPAD, nhãn hiệu Sam Sung, trị giá 2.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn N tại cửa hàng của anh N ở khu CT, thị trấn X, huyện C thì bị bắt quả tang. Tổng trị giá tài sản 3.200.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Quý C đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 28/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Nguyễn Quý C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo C có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó cần phải có hình phạt tù nghiêm khắc áp dụng đối với bị cáo.

[2.2.] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo C đã 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, nhưng đều đã được xóa án tích, nên hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại trị giá 700.000 đồng của C không đủ cấu thành riêng một lần tội trộm cắp tài sản, do vậy tuy bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản nhưng cũng không bị coi là phạm tội nhiều lần. Bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhưng C là người có nhân thân xấu đã 02 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, nên cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly với xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, dăn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo C có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Giá trị tài sản bị chiếm đoạt (3.200.000 đồng) không lớn và đã trả lại cho người bị hại; Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là những tình tiết được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo C không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2.3] Về xử lý vật chứng:

- Vật chứng là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung J5 và 01 chiếc máy tính bảng Ipad, nhãn hiệu Samsung, màu trắng: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh Lưu Thành L và anh Nguyễn Văn N là phù hợp.

- Đối với chiếc xe máy BKS 29E1-428.05: Bị cáo C đã sử dụng làm phương tiện đi phạm tội; tuy nhiên đây là chiếc xe thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn L (bố C), Cơ quan điều tra đã trả ông Nguyễn Văn L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu hồng (đã cũ): không liên quan đến hành vi phạm tội của C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Hoàng Thị Đ1 (vợ C ) là phù hợp.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản anh N và anh L không có ý kiến đề nghị gì về bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Quý C (tức Nguyễn Văn C)** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt: **Nguyễn Quý C 07** (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày **27/3/2018 đến ngày 05/4/2018**.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Quý C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- UBND nơi bị cáo ĐKHK, ĐKTT;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**